

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2021/HNGĐ-PT.**

Ngày 14/9/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hường

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Hà

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 14/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2021/TLPT- HNGĐ ngày 16/6/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2021/HNGĐ-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện LNg , tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2021/QĐ-PT ngày 30/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-PT ngày 19/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn Ch1** , sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Nông Thị H1** , sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Văn Đ1** , sinh năm 1954 (Có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị L1** , sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Xã ĐS , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang.

**Người tham gia tố tụng khác:** Trong vụ án còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập

**\* Người kháng cáo:** bị đơn chị Nông Thị H1 (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2020 và tại bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Văn Ch1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ND năm 2002. Sau khi kết hôn chị H1 về nhà anh làm dâu và sống chung cùng gia đình anh, đến năm 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên nhiều lần xảy ra cãi vã. Nay anh thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nông Thị H1 .

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lê Văn H2 , sinh ngày 19/01/2006 và Lê Văn L2 , sinh ngày 26/11/2009. Vợ chồng ly hôn anh nhất trí giao cả hai con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng /01 con/01 tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng anh có tài sản chung gồm:

+ 01 (một) căn nhà cấp IV; 02 (hai) bản mái; 01 (một) điện thờ trị; 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA SUPER; 01 bộ bàn ghế.

Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án chia đôi tài sản của vợ chồng, anh đề nghị nhận tài sản và trích chia giá trị tài sản cho chị H1

- Về công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn chị Nông Thị H1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận lời trình bày của anh Lê Văn Ch1 về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Anh Ch1 xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị nhất trí ly hôn với anh Lê Văn Ch1 .

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lê Văn H2 , sinh ngày 19/01/2006 và Lê Văn L2 , sinh ngày 26/11/2009. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ch1 có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng /01 con/01 tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích là 70m<sup>2</sup> đất ở tại thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang. Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà cấp IV; 02 bồn mái. 01 điện thờ, 01 ki ốt loại B; 01 khu vệ sinh; 01 bộ bàn ghế; 01 bể nước hết giá trị sử dụng nằm trên đất của ông Lê Văn Đ1 bà Nguyễn Thị L1 . 02 xe máy, trong đó 01 xe máy nhãn hiệu HONDA SUPER trị giá; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION

+ 01 (một) thửa ruộng có diện tích 1,7 sào tại thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang. Trên thửa đất này vợ chồng chị có trồng được 60 (sáu mươi) cây bưởi.

+ Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng, đề nghị anh Lê Văn Ch1 phải trích chia giá trị tài sản tương ứng mà chị được hưởng.

+ Về công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Nguồn gốc thửa đất 70m<sup>2</sup> đất ở tại thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc là của ông bà. Ngày 21/9/2006, ông bà làm hợp đồng tặng cho diện tích đất trên cho riêng con trai là anh Lê Văn Ch1 . Hợp đồng số 870/06-HĐTC ngày 21/9/2006. Sau khi cho đất anh Ch1 và chị H1 có làm công trình xây dựng trên diện tích đất như anh Ch1 chị H1 trình bày là đúng

Chị H1 yêu cầu phân chia thửa ruộng có diện tích 1,7 sào tại thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang, ông bà không đồng ý, ông bà xác định đây là tài sản của vợ chồng ông bà, không phải tài sản chung của vợ chồng anh Ch1 chị H1 .

*Cháu Lê Văn H2 , cháu Lê Văn L2 trình bày:* Bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ các cháu.

\* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2021/HNGĐ-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện LNg , tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148; Điều 227, Điều 271, Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Ch1 :

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Ch1 với chị Nông Thị H1 .

1.2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lê Văn H2 , sinh ngày 19/01/2006 và Lê Văn L2 , sinh ngày 26/11/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về tài sản chung: Giao cho anh Lê Văn Ch1 tiếp tục sử dụng, sở hữu những tài sản: 01 điện thờ diện tích 21,9m<sup>2</sup>; 01 nhà cấp IV loại 2 diện tích 54,2m<sup>2</sup>; 02 bán mái loại 2; 01 ki ốt loại B; 01 khu vệ sinh; 01 bể nước; 01 bộ bàn ghế. Tổng giá trị tài sản là 68.429.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn Ch1 phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Nông Thị H1 số tiền 34.214.500 đồng

- Tiếp tục giao cho anh Lê Văn Ch1 sử dụng đối với thửa đất số 2, không ghi số tờ bản đồ (nay là thửa số 5, tờ bản đồ số 59) có diện tích 70m<sup>2</sup> đất ở có địa chỉ tại khu Rừng Cả, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH ), xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận số AE540518 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04664 do UBND huyện LNg cấp ngày 28/7/2006, đứng tên anh Lê Văn Ch1 .

Giao cho chị Nông Thị H1 được sử dụng chiếc xe máy Dream Biển kiểm soát 34B4 – 351.61.

- Giao cho ông Lê Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L1 được quyền sử dụng 60 cây bưởi có trị giá 138.900.000 đồng. Buộc ông Lê Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho anh Lê Văn Ch1 và chị Nông Thị H1 trị giá tài sản trên đất mỗi người là: 69.450.000 đồng.

Bác yêu cầu của chị Nông Thị H1 về việc đề nghị chia tài sản đối với thửa đất số 2, không ghi số tờ bản đồ (nay là thửa số 5, tờ bản đồ số 59) có diện tích 70m<sup>2</sup> đất ở có địa chỉ tại khu Rừng Cả, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH ), xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang, đứng tên anh Lê Văn Ch1 .

Đình chỉ yêu cầu của chị Nông Thị H1 về việc chia tài sản là quyền sử dụng số 870 tờ bản đồ số 12 có diện tích 496,7m<sup>2</sup> có địa chỉ tại thôn BDCH , xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/4/2021 Tòa án nhân dân huyện LNg ban hành quyết định số 09/QĐ-SCBSBA về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Lê Văn Ch1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 số tiền 1.000.000đồng/1con/1

tháng kể từ tháng 5/2019 đến khi con chung Lê Văn H2 và cháu Lê Văn L2 trưởng thành đủ 18 tuổi

Ngày 29/4/2021 bị đơn là chị Nông Thị H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần không cấp dưỡng nuôi con chung và phân chia tài sản chung

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

\* Bị đơn chị Nông Thị H1 trình bày tại phiên tòa: Do bản án sơ thẩm có dính chính bổ sung về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên về quan hệ hôn nhân và con chung chị không có ý kiến gì, tuy nhiên việc cấp dưỡng từ tháng 5/2019 nếu anh Ch1 không đồng ý thì chị đề nghị sửa lại từ tháng 5/2021

Về tài sản: Chị đề nghị chia tài sản là thửa đất số 5, tờ bản đồ số 59 có diện tích 70m<sup>2</sup> đất ở có địa chỉ tại khu Rừng Cả, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH), xã ThH, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang lý do: Chị kết hôn với anh Ch1 năm 2002, năm 2003 ra ở riêng, khi làm nhà trên đất không được cấp giấy phép vì làm trên đất vườn, năm 2006 chị đã nộp tiền chuyển mục đích sử dụng và được cấp giấy chứng nhận mang tên bố mẹ anh Ch1. Khi chuyển mục đích sử dụng chị có đưa tiền cho ông Nguyễn Đức Ròng là cán bộ địa chính để ông Ròng làm các thủ tục kê khai và chuyển mục đích sử dụng đất cho chị. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chia cho chị là không đảm bảo quyền lợi của chị. Trường hợp Tòa án không chia cho chị ½ đất, đề nghị tính công sức chị bỏ ra nộp tiền để chuyển mục đích sử dụng. Tiền tài sản trên đất và các tài sản khác chị đồng ý với án sơ thẩm không có ý kiến gì.

\* Nguyên đơn anh Lê Văn Ch1 trình bày: Anh đồng ý với bản án sơ thẩm, kháng cáo của chị H1 anh không đồng ý lý do: tiền bỏ ra chuyển mục đích sử dụng đất là của ông Đ1 bà L1 không phải của vợ chồng, Chị H1 trình bày chị đưa tiền cho ông Ròng để ông Ròng đi nộp tiền và chuyển mục đích sử dụng là không đúng. Tiền do bố mẹ anh tự làm và chuyển mục đích sử dụng sau đó tặng cho riêng anh. Do vậy anh không đồng ý chia đất và không đồng ý trích chia công sức cho chị H1 về tiền đất. Anh đồng ý bản án sơ thẩm của Tòa án huyện LNg và không còn ý kiến gì khác

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 trình bày: Việc ông bà chuyển mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất thổ cư của là tiền của ông bà, chị H1. Biên lai nộp tiền là do ông nộp, không phải ông Ròng nộp hộ ông. Chị H1 đề nghị chia đất và chia công sức ông không đồng ý.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị H1 về việc chia tài sản là đất, Không có căn cứ xem xét chia công sức đối với thửa

đất trên. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 sửa bản án sơ thẩm số 27/2021/HNGĐ-ST ngày 15/4/2021 của TAND huyện LNg , tỉnh Bắc Giang:

Sửa phần tuyên về tài sản: Giao cho anh Lê Văn Ch1 sử dụng, sở hữu những tài sản gắn liền với thửa đất số 2, không ghi số tờ bản đồ, diện tích 70m<sup>2</sup> đất ở có địa chỉ tại khu Rừng Cỏ, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH ), xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang. Tổng giá trị tài sản là 68.429.000 đồng. Anh Lê Văn Ch1 phải trích chia cho chị Nông Thị H1 34.214.500đồng.

Sửa phần tuyên về thời gian cấp dưỡng nuôi con chung: Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 5/2021

Sửa phần tuyên về án phí: Chị H1 không phải chịu án phí chia tài sản không được Tòa án chấp nhận là 18.000.000đồng. Chị H1 anh Ch1 chỉ phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được hưởng.

Các tài sản khác và nội dung khác của bản án sơ thẩm do đương sự không kháng cáo và không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí phúc thẩm, do sửa án sơ thẩm nên chị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX thấy bà L1 đã có quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của bà L1 không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Căn cứ quy định tại Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 .

[2]. Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2021/HNGĐ-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện LNg , tỉnh Bắc Giang đã giải quyết về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Ch1 với chị Nông Thị H1 . Nội dung này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nông Thị H1 , HĐXX thấy:

[3.1]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà và Chiến có 02 con chung là Lê Văn H2 và Lê Văn L2 Tòa sơ thẩm đã giao cho chị H1 nuôi dưỡng có nhận định anh Ch1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 1.000.000đồng/1 con/1 tháng nhưng phần quyết định không buộc anh Ch1 cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 29/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Bổ sung nội dung:... Buộc anh Lê Văn Ch1 phải

cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 1.000.000đồng/1 con/1 tháng kể từ tháng 5/2019 đến khi cháu H2 và cháu L2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên việc đình chính này có sự không chính xác. Tòa án thụ lý ngày 12/10/2020. Bản án sơ thẩm xét xử ngày 15/4/2021. Trong hồ sơ không có sự thỏa thuận nào về việc anh chị thống nhất với nhau, anh Ch1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 từ tháng 5/2019. Thời điểm này các con chung đang sinh sống chung cùng anh chị do vậy cần sửa lại thời gian cấp dưỡng cụ thể: Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2021.

[3.2]. Xét kháng cáo của chị Nông Thị H1 về phần giải quyết phân chia tài sản chung, HĐXX thấy:

Chị H1 đề nghị chia tài sản là đất ở diện tích 70m<sup>2</sup> địa chỉ tại khu Rừng Cỏ, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH), xã ThH, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang, trường hợp không được chia đất chị đề nghị trích chia cho chị tiền công sức do chị bỏ tiền ra đưa cho ông Nguyễn Đức Ròng cán bộ địa chính để chuyển mục đích sử dụng đất ở từ năm 2006. Hội đồng xét xử thấy theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất trên có nguồn gốc của ông Đ1 bà L1, năm 2006 ông bà chuyển mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất thổ cư, sau khi chuyển mục đích sử dụng ông bà làm thủ tục tặng cho riêng anh Ch1. Do vậy, việc chị H1 trình bày ông Đ1 bà L1 cho hai vợ chồng và xác định là tài sản chung vợ chồng và đề nghị được chia là không có căn cứ. Tại phiên tòa chị cũng không đưa ra được tài liệu gì khác để xác định diện tích đất trên là tài sản chung vợ chồng. Do vậy, cấp sơ thẩm không chia đất cho chị là đúng quy định, Đảm bảo quyền lợi cho anh chị theo nguyên tắc phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 59- Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa chị H1 vẫn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh Ch1 phải trích chia công sức cho chị tiền chị bỏ ra chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên yêu cầu này của chị chưa được Tòa án cấp sơ thẩm để thụ lý giải quyết do vậy cấp phúc thẩm giải quyết là không đảm bảo hai cấp xét xử. Do vậy khi có căn cứ chị H1 có quyền đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác nếu chị H1 có yêu cầu.

[4]. Án sơ thẩm có thiếu sót như sau:

Án sơ thẩm nhận định thửa đất số 2, không ghi số tờ bản đồ (nay là thửa số 5, tờ bản đồ số 59) có diện tích 70m<sup>2</sup> đất ở có địa chỉ tại khu Rừng Cỏ, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH), xã ThH, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận số AE540518 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04664 do UBND huyện LNg cấp ngày 28/7/2006, đứng tên anh Lê Văn Ch1 là tài sản riêng của anh Ch1 nhưng phần Quyết định lại tiếp tục giao cho anh Ch1 sử dụng là không đúng mà chỉ giao tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung vợ chồng cho anh Ch1, anh Ch1 trích chia tiền tài sản trên đất cho chị H1. Do vậy cấp phúc thẩm cần sửa lại cho phù hợp theo yêu cầu của đương sự cũng như quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5]. Về tài sản chung và án phí: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị H1 về việc chia 1/2 đất trị giá 350.000.000đồng và buộc chị H1 phải

chịu án phí 18.000.000đồng là không có căn cứ. Chị H1 chỉ phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản tương ứng với giá trị phần tài sản mà chị H1 được chia theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Vậy cần sửa án sơ thẩm về án phí đối với yêu cầu này của chị H1 .

[6]. Từ những nội dung trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị Nông Thị H1 . Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309 - BLTTDS, sửa 1 phần bản án sơ thẩm về thời gian cấp dưỡng nuôi con chung, phần tuyên và án phí

[7]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên chị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309 - Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 148; Điều 227; khoản 2, Điều 357; khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự; Điều 26; khoản 2, Điều 29- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nông Thị H1 về việc đề nghị chia tài sản là thửa đất số 2, không ghi số tờ bản đồ (nay là thửa số 5, tờ bản đồ số 59) có diện tích 70m<sup>2</sup> đất ở có địa chỉ tại khu Rừng Cả, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH ), xã ThH , huyện LNg , tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận số AE540518 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04664 do UBND huyện LNg cấp ngày 28/7/2006, đứng tên anh Lê Văn Ch1 .

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 27/2021/HNGĐ-ST ngày 15/4/2021 của TAND huyện LNg , tỉnh Bắc Giang cụ thể:

2.1. Về thời gian cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Nông Thị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lê Văn H2 , sinh ngày 19/01/2006 và Lê Văn L2 , sinh ngày 26/11/2009. Anh Lê Văn Ch1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 1.000.000đồng/1 con/1 tháng kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung Lê Văn H2 , Lê Văn Ch1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn anh Lê Văn Ch1 được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản anh Lê Văn Ch1 thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản:

- Giao cho anh Lê Văn Ch1 tiếp tục sử dụng, sở hữu những tài sản gắn liền trên thửa đất số 2, không ghi số tờ bản đồ (nay là thửa số 5, tờ bản đồ số 59)



có diện tích 70m<sup>2</sup> địa chỉ tại khu Rừng Cả, thôn Bãi Dài (nay là thôn BDCH), xã ThH, huyện LNg, tỉnh Bắc Giang gồm:

01 điện thờ diện tích 21,9m<sup>2</sup>; 01 nhà cấp IV loại 2 diện tích 54,2m<sup>2</sup>; 02 bán mái loại 2; 01 ki ốt loại B; 01 khu vệ sinh; 01 bể nước; 01 bộ bàn ghế. Tổng giá trị tài sản là 68.429.000 đồng. Anh Lê Văn Ch1 phải trích chia cho Nông Thị H1 34.214.500đồng

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468-Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

### 2.3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn Ch1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 5.183.000 đồng án phí chia tài sản. Xác nhận anh Lê Văn Ch1 đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LNg, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001604 ngày 12/10/2020.

Chị Nông Thị H1 phải chịu 5.433.000đồng án phí chia tài sản. Xác nhận chị H1 đã nộp 6.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LNg, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001661 ngày 02/11/2020.

- Án phí phúc thẩm: Chị Nông Thị H1 không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại chị H1 đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0010289 ngày 04/5/2021 của Chi cục THADS huyện LNg, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9-Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LNg ;
- Chi cục THADS huyện LNg ;
- Các đương sự,
- Cổng thông tin điện tử ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Thị Hải Hương**

